

Bản án số: 35/2018/DS-ST
Ngày 19 tháng 9 năm 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận

Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhị Tứ - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa:
Ông Lê Thanh Tráng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, Tòa án xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 267/2018/TLST-DS ngày 24-10-2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 267/2018/QĐXXST-DS ngày 03-8-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2018/QĐST-DS ngày 27-8-2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Diệu T, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 259 đường Đ, quận Th, TP. Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Hữu P; sinh năm 1975; địa chỉ: Số 97 đường G, phường Q, quận S, TP Đà Nẵng; theo Giấy ủy quyền lập ngày 28-8-2017 tại Ủy ban nhân dân phường C, quận Th, TP Đà Nẵng; có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H (tên gọi khác là N); sinh năm 1970; địa chỉ: Số 382/11 đường V, phường Tr, quận Th, TP Đà Nẵng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và Bản tự khai, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Lê Hữu P trình bày:

Do chỗ quen biết, ngày 09-6-2015 nhằm ngày 23-4-2015 âm lịch, bà Phan Thị Diệu T đã cho bà Nguyễn Thị H vay mượn tiền để làm ăn với số tiền vay

300.000.000 đồng. Hẹn 03 tháng sau sẽ hoàn trả. Đến nay đã quá thời hạn hẹn trả tiền cho bà T nhưng vẫn không trả đồng nào. Tạm tính lãi từ thời điểm ngày 09-9-2015 đến thời điểm ngày 09-9-2017 là 24 tháng với lãi suất 2%/ 1tháng: $300.000.000 \text{ đồng} \times 24 \times 2\% = 144.000.000 \text{ đồng}$. Khoản vay này bà H phải trả cho bà T cả gốc và lãi là 444.000.000 đồng.

Trong giấy vay mượn tiền bà H ký tên là N. Thực tế tên thật là Nguyễn Thị H theo giấy tờ, còn tên N là do mọi người hay gọi và bà H cũng lấy tên này.

* Đối với Bị đơn - bà Nguyễn Thị H (tên gọi khác là N): Từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đều không có mặt theo các thông báo của Toà án, không có bản tự khai tại Tòa án, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không tham gia các phiên hoà giải và cũng không tham gia phiên tòa.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết về nội dung vụ án: Theo giấy vay tiền ngày 09-6-2015 thì người vay tiền của bà Phan Thị Diệu T là "Nguyễn Thị N" và có chữ ký người vay là N. Tuy nhiên, theo Bản kết luận giám định số 472/C54C(Đ2) ngày 17-7-2018 của Phân viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng thì không đủ cơ sở để xác định chữ ký, chữ viết tại giấy mượn tiền ngày 09-6-2015 là do bà H ký và viết. Ngoài ra, không còn chứng cứ nào khác chứng minh khoản nợ này. Căn cứ các điều 281, 471 Bộ luật dân sự 2005, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 444.000.000 đồng (nợ gốc 300.000.000 đồng và nợ lãi 144.000.000 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là bà Nguyễn Thị H (tên gọi khác là N) mặc dù đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào giấy viết tay ghi ngày 09-6-2015, có nội dung: *"Tôi tên là: Nguyễn Thị N, trú tại: 382/11 đường V, quận Th, Đà Nẵng. Hôm nay ngày 09-6-2015 nhằm ngày 23-4-2015 Âm lịch có mượn của chị Phan Thị Diệu T hiện trú 280/9 D với số tiền là 300.000.000 (ba trăm triệu đồng chẵn) không thể chấp hẹn 3 tháng tôi hoàn trả số tiền trên. Nếu có sai trái tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Đà Nẵng 09-6-2015DL, 23-4-2015 Âm lịch. N."*

[3] Đến hạn thanh toán nhưng bà H không thực hiện như giấy mượn tiền nên bà Phan Thị Diệu T khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị H (tên gọi khác là N) yêu cầu trả 300.000.000 đồng tiền nợ gốc và 144.000.000 đồng tiền lãi. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị H (tên gọi khác là N) trả 300.000.000 đồng tiền nợ gốc và 81.000.000 đồng tiền lãi tính từ tháng 9-2015 đến tháng 9-2018, lãi suất 9%/ 1năm. Xét nội dung thay đổi này không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Hữu P yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký của bị đơn tại giấy mượn tiền ghi ngày 09-6-2015 đứng tên người mượn là Nguyễn Thị N với chữ ký và chữ viết đứng tên Nguyễn Thị H (tên gọi khác là N) trên các mẫu so sánh gửi kèm có phải do cùng 01 (một) người ký và viết ra hay không (Mẫu so sánh gửi kèm bao gồm: Lý lịch cá nhân của bà Nguyễn Thị H ngày 28-11-2016; Biên bản ghi lời khai của bà Nguyễn Thị H ngày 07-11-2016; Biên bản ghi lời khai của bà Nguyễn Thị H ngày 28-11-2016 đều được lập tại Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đà Nẵng).

[5] Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định và ngày 17-7-2018, Phân viện khoa học hình sự tại TP Đà Nẵng trả lời bằng Kết luận giám định số 472/C54C(Đ2) có nội dung:

"Phương pháp thực hiện giám định: Sử dụng phương tiện nghiệp vụ chuyên dụng. Quan sát, phân tích, đánh giá, tổng hợp, thấy: Chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu M1, M2, M3 có số lượng chữ viết ít, không tự nhiên nên không đủ cơ sở kết luận.

Kết luận về đối tượng giám định: Không đủ cơ sở kết luận các chữ viết tại dòng thứ 17, 18, 19 tính từ trên xuống trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị H trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 có phải do cùng một người viết và ký ra hay không."

[6] Như vậy, chữ viết trên mẫu cần giám định có số lượng chữ viết ít, không tự nhiên nên không đủ cơ sở để cơ quan chuyên môn kết luận chữ ký và chữ viết trên mẫu cần giám định với mẫu so sánh có phải do cùng một người viết ra hay không. (Tòa án không thu thập được mẫu chữ viết và chữ ký trực tiếp của bà Nguyễn Thị H)

[7] Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thu thập được từ Công an TP Đà Nẵng thì "Lý lịch cá nhân" của bà Nguyễn Thị H tự viết tại Công an TP Đà Nẵng ngày 28-11-2016 có nội dung: *"Họ và tên: Nguyễn Thị H, CMND số 201401014, tên gọi khác: N, sinh ngày: 16-12-1970 tại Đà Nẵng, nguyên quán: Quảng Nam, nơi đăng ký NKTT: 382/11 đường Hùng Vương, chỗ ở hiện nay: như trên."* Chính tay bà Nguyễn Thị H đã ghi tên gọi khác của mình là "N".

[8] Đồng thời, Tòa án đã tiến hành xác minh cho thấy tại địa chỉ 382/11 Hùng Vương, tổ 8 cũ - tổ 4 mới, phường V, quận Th, TP Đà Nẵng có bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970 đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại địa phương.

[9] Xét "Giấy báo tin" ngày 15-11-2017 của bà Nguyễn Thị H, trú tại: 382/11 V, phường Tr, quận Th, TP Đà Nẵng gửi Tòa án có nội dung: Tại địa chỉ 382/11 V là nhà riêng của bà Nguyễn Thị H và hiện nay không có ai tên N đang cư trú, không có ai nợ nần gì bà Phan Thị Diệu T. Nhưng văn bản này không được lập tại Tòa án và chữ ký không có chứng thực theo quy định nên không có giá trị pháp luật.

[10] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970, CMND số 201401014, nơi đăng ký NKTT và chỗ ở hiện nay: 382/11 đường V, phường Tr, quận Th, TP Đà Nẵng có tên gọi khác là "N".

[11] Xét giấy viết tay ghi ngày 09-6-2015 của bà Phan Thị Diệu T cung cấp thì thấy: Ngày 09-6-2015 dương lịch, nhằm ngày 23-4-2015 âm lịch, bà Nguyễn Thị H (tên gọi khác là N) có mượn của chị Phan Thị Diệu T số tiền là 300.000.000 đồng, không thế chấp, hạn 3 tháng hoàn trả số tiền trên. Theo quy định tại các Điều 305, 471, 474, 478 Bộ luật dân sự năm 2005, bản chất của việc vay mượn tiền giữa bà Phan Thị Diệu T với bà Nguyễn Thị H (tên gọi khác là N) là Hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không tính lãi. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà T có quyền khởi kiện. Đồng thời, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày đến hạn phải thanh toán cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm (từ tháng 9-2015 đến tháng 9-2018) với lãi suất 9%/ 1năm là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[12] Bà Nguyễn Thị H (tên gọi khác là N) phải trả cho bà Phan Thị Diệu T số tiền vay gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi 81.000.000 đồng (= 300.000.000 đồng x 9%/12 tháng x 36 tháng); tổng cộng là 381.000.000 đồng.

[13] Án phí dân sự sơ thẩm là 381.000.000 đồng x 5% = 19.050.000 đồng, bị đơn phải chịu do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

[14] Hội đồng xét xử không chấp nhận các đề nghị về quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 63, 147, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 305, 471, 474, 478 **Bộ luật dân sự 2005**; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" của bà Phan Thị Diệu T đối với bà Nguyễn Thị H (tên gọi khác là N).

Buộc bà Nguyễn Thị H (tên gọi khác là N) phải trả cho bà Phan Thị Diệu T số tiền là 381.000.000 (ba trăm tám mươi một triệu) đồng, bao gồm 300.000.000 đồng tiền vay gốc và 81.000.000 đồng tiền lãi.

Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H (tên gọi khác là N) phải chịu là 19.050.000 (mười chín triệu, không trăm năm mươi nghìn) đồng.

Hoàn trả cho bà Phan Thị Diệu T số tiền tạm ứng án phí 11.880.000 (mười một triệu, tám trăm tám mươi nghìn) đồng, đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 007614 ngày 19-10-2017.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai